TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2020/DS-PT
Ngày: 24/11/2020
Về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thiện Tâm

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Ngày 10/12/2016, bà N có tham gia chơi hụi góp vốn xoay vòng, tổ trưởng là bà Đặng Thị Tuyết M cùng với chồng là ông Nguyễn Thanh T. Bà N đã đóng đủ các kỳ hụi cho đến khi hụi mãn với số tiền là 60.000.000 đồng nhưng không được bà M giao tiền. Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị Tuyết M trả số tiền là 60.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M trình bày: Vợ chồng bà M có làm đầu thảo dây hụi 5.000.000 đồng, có 15 phần, bà N là hụi viên tham gia 01 phần. Bà N tham gia đến mãn hụi nhưng do hụi viên khác đóng không đủ nên bà M không có tiền giao cho bà N. Số tiền bà N được nhận đến khi mãn hụi là 60.000.000 đồng. Bà M và ông T đồng ý trả cho bà N số tiền là 60.000.000 đồng nhưng xin trả dần cho bà N theo từng vụ lúa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông đồng ý với trình bày của bà M. Ông đồng ý cùng với bà M trả cho bà N số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, do không có khả năng trả 01 lần nên ông xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh hòa giải nhưng không thành. Tại bản án số 71/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hánh án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Phan Thị N không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001030 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/9/2020, bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T kháng cáo yêu cầu xin được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin được giảm tiền án phí.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T trong hạn luật định, cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị N số tiền là 60.000.000 đồng phát sinh từ tranh chấp hợp đồng góp hụi là có cơ sở. Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T làm đơn kháng cáo yêu cầu xin trả dần vì không có khả năng trả một lần do hoàn cảnh khó khăn không được phía nguyên đơn chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo. Về yêu cầu được giảm án phí, xét thấy bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T trong hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên thống nhất thừa nhận bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T còn nợ bà Phan Thị N số tiền hụi là 60.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị N số tiền là 60.000.000 đồng phát sinh từ tranh chấp hợp đồng góp hụi là có cơ sở.

[4] Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T làm đơn kháng cáo yêu cầu xin trả dần vì không có khả năng trả một lần do hoàn cảnh khó khăn không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T.

[5] Về yêu cầu kháng cáo xin được giảm án phí, bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được miễn, giảm tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội nên không có cơ sở chấp nhận, cần bác yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T.

[6] Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Phan Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001030 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001145 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh; bà Đặng Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001148 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh; ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Uẩn